

QUYẾT ĐỊNH
V/v quy định giá các loại đất năm 2009
trên địa bàn huyện Lâm Hà - tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị quyết số 107/2008/NQ-HĐND ngày 11/12/2008 của HĐND tỉnh Khóa VII - Kỳ họp thứ 13 V/v thống nhất việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2009.

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2384/TTr-STC-GCS ngày 17/12/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Ban hành kèm theo Quyết định này bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Lâm Hà, để:

a) Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

b) Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003;

c) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

d) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

f) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

g) Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc

trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá quy định tại Quyết định này.

3. Bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Điều 2.

1. UBND huyện Lâm Hà có trách nhiệm xây dựng phương án điều chỉnh giá các loại đất trên địa bàn huyện Lâm Hà trong các trường hợp sau:

a) Khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thay đổi mục đích sử dụng đất, loại đô thị, loại đường phố và vị trí đất làm cho giá đất tại đó biến động.

b) Khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp Nhà nước tiến hành cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất mà giá đất do UBND tỉnh quy định tại thời điểm giao đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì cùng với Sở Tài chính, Sở Xây dựng và Cục Thuế thẩm định phương án điều chỉnh giá các loại đất trên đây, trình UBND tỉnh quyết định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009. Các văn bản của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc quy định, điều chỉnh, bổ sung giá đất trên địa bàn huyện Lâm Hà trái với nội dung Quyết định này đều hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2009.

2. Các trường hợp trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, nếu chưa được giải quyết thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Lâm Hà; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Huỳnh Đức Hòa

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2009
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LÂM HÀ
(Kèm theo Quyết định số 61 /2008/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 12 năm 2008 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ.

Đơn vị tính: 1.000đồng/m²

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
I	THỊ TRẤN ĐÌNH VĂN	
1	Quốc lộ 27	
-	Từ Bình Thạnh đến cổng Xoan	450
-	Từ cổng Xoan đến ngã ba Gia Thạnh	666
-	Từ ngã ba Gia Thạnh đến ngã ba Đoàn Kết (thửa số 161 - tờ bản đồ 69)	900
-	Từ ngã ba Đoàn kết - đường vào tổ 4 Văn Tâm (thửa số 367, TBĐ 63)	1.080
-	Từ đường vào tổ 4 Văn Tâm đến cầu Cổ Gia	1.200
-	Từ cầu cổ gia đến ngã ba bưu điện Huyện	1.680
-	Từ ngã ba bưu điện đến ngã tư Quyền lượng hết đất ông Thăng (tờ 61, thửa 366)	2.040
-	Từ hết đất ông Thăng (tờ 61, thửa 366) đến hết đất bà K'Duyên (tờ 61, thửa 199)	2.400
-	Từ hết đất bà K'Duyên (tờ 61, thửa 199) đến cổng Kiểm Lâm	2.040
-	Từ cổng Kiểm Lâm đến hết đất Hà khoa (thửa 103, tờ bản đồ 59)	2.040
-	Từ hết đất Hà khoa (thửa 103, tờ bản đồ 59) đến ngã ba (Đại lý vật liệu Lâm Hà- thửa 222, TBĐ 56)	1.200
-	Ngã ba (Đại lý vật liệu Lâm Hà- thửa 222, TBĐ 56) đến giáp Đạ Đờn	1.080
2	Tỉnh Lộ 725	
-	Từ ngã ba Sơn Hà đến cổng hết đất ông Trường (thửa số 1077, TBĐ số 58)	840
-	Từ cổng hết đất ông Trường (thửa số 1077, TBĐ số 58) đến cầu Tân Văn	600
3	Đường Đình Văn – Ba Càng	
-	Từ ngã ba Quảng Đức đến hết trường TH Đình Văn V	1.152
-	Từ hết TH Đình Văn V tới ngã ba (Nhà ông Miền thửa số 12, TBĐ số 71)	936
-	Từ ngã ba nhà ông Miền (thửa số 12, TBĐ số 71) đến cổng ông Hữu (thửa số 46, TBĐ số 76)	720
-	Từ cổng ông Hữu (thửa số 46, TBĐ số 76) đến hết đất ông Thành (T cấp III) thửa số 270, TBĐ số 82)	600
-	Từ hết đất ông Thành (thửa số 270, TBĐ số 82) đến ngã 3 chợ Hòa Lạc	400

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Từ ngã ba chợ Hòa Lạc đến cầu Hòa Lạc	300
-	Từ cầu Hòa Lạc đến giáp Đức Trọng	150
4	Đường nội TDP xoan Đa Huỳnh	60
*	Các nhánh của tuyến đường 27	
5	Từ nhà ông Thông kiểm lâm (thửa số 116, TBĐ số 78) Gia Thạnh đến hết đường	60
6	Từ quán ông Tâm Gia Thạnh (thửa số 107, TBĐ số 78) đến hết đường	96
7	Từ ngã ba Gia Thạnh đến hết đường	
	a/- Từ ngã ba Gia Thạnh đến cống N1-11	180
	b/- Từ cống N1 đến ngã tư xạc bình	144
8	Đường từ Cầu Đường đến Đình Văn – Ba Cánh	
	a/- Từ Cầu Đường - kênh N1 – 11	120
	b/- Từ N1 – 11 đến hết đường	90
9	Đường từ nhà bà Gléo (thửa số 493, TBĐ số 69) thôn 2 đến hết đường	72
10	Đường từ nhà ông Hường (thửa số 201, TBĐ số 68) đến hết đường	120
11	Đường từ nhà ông Tú (thửa số 121, TBĐ số 68) đến hết đường	120
12	Đường từ nhà ông Thìn (thửa số 74, TBĐ số 68) đến hết đường	96
13	Đường từ VLXD Mai Toàn (thửa số 556, TBĐ số 63) đến hết đường	96
14	Đường từ cầu Cỏ Gia đến hết nhà ông Lộc (thửa số 401, TBĐ số 63)	60
15	Đường từ nhà bà Nhuận (bưu điện) thửa số 463, TBĐ số 62 đến nhà ông Tấu (thửa số 123, TBĐ số 66)	
	a/- Từ QL 27 đến hết đất ông Hòa (thửa số 26, TBĐ số 66)	173
	b/- Còn lại	115
16	Đường vào trụ sở UBND Huyện	
	a/- Từ QL27 đến ngã ba vào TDP Se Nhắc	1.440
	b/- Từ ngã ba TDP Se Nhắc đến ngã ba (quán photo) thửa số 629, TBĐ số 61	1.080
	c/- Từ hết quán phô tô (thửa số 629, TBĐ số 61) đến hết đường	180
17	Từ trụ sở Thanh tra Huyện đến hết đất ông Vũ Quang Thành (Thửa 162 tờ 66)	180
18	Đường từ đại lý Bình (thửa số 130, TBĐ 61)Bồ Liêng – hết đường	120

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
19	Đường từ ngã tư Long Hương (thửa số 324, TBĐ số 59)- sông Đạ Đờn	
	a/- Từ QL 27 đến hết đất bà Xuân (thửa số 86, TBĐ số 61)	180
	b/- Còn lại	120
20	Đường nội khu phố Cô Ya	60
21	Đường từ nhà ông Quý (QL 27) thửa số 140, TBĐ số 68 vào hết TDP Ri Ông Se	
	a/- Từ kênh N1 – 9 - hết đất nhà ông Sỹ (thửa số 304, TBĐ số 21)	120
	b/- Còn lại	90
22	Đường từ nhà ông Chiến (thửa số 424, TBĐ số 68) đến giáp đập tràn	120
23	Đường từ nhà bà Phương (Thửa 17, TBĐ 64) đến hết đường vào đồi độc lập tổ 6 Văn Tâm	108
24	Đường từ QL27 đi đập tràn	
	a/- Từ hết đất ông Kim (QL27) Thửa số 83, TBĐ số 64 - ngã 4	180
	b/- Từ ngã 4 đến giáp đập tràn	120
25	Đường từ nhà ông Ba cà phê (thửa số 582, TBĐ số 63) - đường đi đập tràn (thửa số 02, TBĐ số 63)	120
26	Đường từ nhà ông Niên (thửa số 349, TBĐ số 62) – giáp đất ông Cảnh (thửa số 196, TBĐ số 62)	180
27	Đường từ ngã Ba bưu điện – Kênh tiêu	360
28	Đường từ nhà ông Cao Xuân Trường (TBĐ62, thửa 101) đến giáp nhà ông Hoà bên xe	144
29	Đường từ hết đất bà Việt (thửa số 245, TBĐ số 62) – mương tiêu	360
30	Đường từ VLXD Sang (thửa số 150, TBĐ số 62) – mương tiêu	480
31	Đường từ quán Quyền Lương (thửa số 65, TBĐ số 62) - mương tiêu (phía đông chợ Lâm Hà)	960
32	Đường từ ngân hàng – mương tiêu	600
33	Đường từ ngã 4 Long Hương (thửa số 266, TBĐ số 59) - giáp ruộng khu phố Bò Liêng	240
34	Đường từ VLXD Lâm Hà đến hết đường vào xóm ông Du Hành	150
35	Đường từ nhà ông Trác (thửa số 01, TBĐ số 56) (giáp Trại giống) – đến nghĩa trang dân tộc TDP Bò Liêng-Se nhắc	
	a/ Từ hết đất nhà ông Dui đến cống N1-1	180
	b/ Cống N1-1 đến nghĩa trang dân tộc	90

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
36	Đường từ ngã ba bệnh viện đi Đoàn kết	
	a/ Từ hết nhà ông Hiện QL27 đến cổng N1-9	240
	b/ Cổng N1-9 đến ngã ba nhà ông Tống Văn Dũng (thửa 400, TBĐ 27)	180
	c/ Còn lại	60
37	Đường đi xã Nam Hà	
	a/ Từ hết đất nhà ông Lê Văn Báy, cây số 15 đến giáp nghĩa trang TT Đình Văn	120
	b/ Còn lại	60
38	Đường từ ngã ba TDP Sre nhắc đến hết đất nhà ông Phạm Mậu (TBĐ 61, thửa 790)	120
*	Đường nhánh của đường Đình Văn – Ba Cánh	
1	Đường từ nhà ông Trần Đình Hạ (thửa 297 TBĐ67) - hết đường	144
2	Đường từ tiểu học ĐV 5 đến hết đường	144
3	Đường từ nhà ông Đình Văn Tiến (thửa 331, TBĐ 67) - hết đường	144
4	Đường từ nhà ông Nguyễn Quang Việt (thửa 235, TBĐ67) - hết đường	144
5	Đường từ nhà ông Miền (thửa số 12, TBĐ số 71) – hết đường	108
6	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tuyên (thửa 257, TBĐ 67) - hết đường	144
7	Đường từ nhà Khuru Thị Hưu (thửa 317, TBĐ 68) - hết đường	144
8	Đường từ nhà ông Nguyễn Long (thửa 345, TBĐ 68) - hết đường	144
9	Đường từ nhà bà Lê Thị Hậu (thửa 369, TBĐ 68) - hết đường	144
10	Đường từ nhà ông Phương (thửa số 196, TBĐ số 71) – hết đường	144
11	Đường từ cổng ông Hữu (thửa số 46, TBĐ số 76) - hết thôn 5	
	a/- Từ cổng ông Hữu (thửa số 46, TBĐ số 76) - hết đất nhà ông Trương Đông (thửa số 407, TBĐ số 20)	120
	b/- Từ nhà ông Trương Đông (thửa số 407, TBĐ số 20) đến hết đất ông Tư Sài Gòn (thửa số 158, TBĐ số 12)	72
	c/- Từ cổng nhà ông Tư Sài Gòn (thửa số 158, TBĐ số 12)– sông Đa Dâng	60
12	Từ nhà ông Vinh (thửa số 118, TBĐ số 76) – nhà K'Hai (thửa số 135, TBĐ số 76) TDP Văn Hà	72

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
13	Từ nhà ông Diệu (thửa số 171, TĐĐ số 83) đến hết đường	72
14	Đường từ nhà ông Đỗ Văn Dũng (thửa 46, TĐĐ 83) - hết đường	72
15	Đường nội KP Pót Pe	60
16	Đường từ đất ông Hậu (thửa số 83, TĐĐ số 63) (cổng N1/10) hết đường	96
17	Đường từ quán ông Vinh (thửa số 56, TĐĐ số 88) - hết đất ông Lóng (thửa số 162, TĐĐ số 90)	72
18	Đường nội TDP Hòa Lạc	60
19	Đường từ ngã tư xạc bình – Quán ông Hữu Anh (thửa số 303, TĐĐ số 86)	72
20	Đường nội khu phố Đa Ra Măng - Bang Pung	60
II	THỊ TRẤN NAM BAN	
1	Đất dọc đường tỉnh lộ 725	
-	Từ giáp xã Mê Linh đến ngã ba đi trường tiểu học Từ Liêm	300
-	Từ ngã ba đường vào trường tiểu học Từ Liêm đến ngã ba đi trường THCS Từ Liêm	480
-	Từ ngã ba đi trường THCS Từ Liêm đến ngã ba đường đi Đông Anh II (cổng nhà văn hóa TDP Đông Anh II)	720
-	Từ ngã ba đường Đông Anh II (ông Viên) đến trạm biến thế điện TT Nam Ban	1.440
-	Từ trạm biến thế điện đến ngã tư đường đi vào khu Chi Lăng – Thành Công (ngã tư nông trường 4 cũ)	720
-	Từ ngã tư (nông trường 4 cũ) đến trụ sở UBND TT Nam Ban hiện nay (ngã ba cổng TDP văn hoá Ba Đình)	840
-	Từ ngã ba cổng TDP văn hoá Ba Đình đến giáp Gia Lâm	1.200
2	Đất trục đường liên xã	
-	Ngã ba Đông Từ đến ngã tư Hùng Vương.	72
-	Từ ngã tư Hùng Vương đến giáp xã Đông Thanh.	60
-	Đoạn từ ngã tư NT4 cũ đến ngã ba đường vào xóm Hà Bắc (Chi Lăng III).	100
-	Từ ngã ba vào xóm Hà Bắc Chi Lăng III đến ngã ba Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi)	86
-	Từ ngã ba Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi) đến dốc võng (giáp xã Nam Hà).	72
-	Từ bùng binh đường ĐT 725 đến cổng chùa Linh Ân.	360
-	Từ cổng chùa Linh Ân đến đỉnh dốc công an (Đường xuống thác voi)	144
-	Từ đỉnh dốc công an (đường xuống thác voi) đến ngã ba đường tới ngã ba Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi)	86

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
3	Đường liên thôn khu TDP	
-	Đường từ ngã ba ĐT 725 đến trường tiểu học Từ Liêm.	70
-	Từ trường tiểu học Từ Liêm đến hồ Từ Liêm.	60
-	Đường từ ngã tư Hùng Vương đến cầu Đông Anh III.	60
-	Đường từ ngã ba Đông Anh II (Nhà ông Viên) đến ngã tư Hùng Vương đi Đông Anh III	72
-	Đường từ ngã ba (cổng nhà văn hóa TDP Đông Anh I xuống sinh 78 Đông Anh I) đến trường tiểu học Nam Ban II	72
-	Đường từ tiểu học Nam Ban II đến hồ Bãi Công TDP Thành Công.	60
-	Đường từ sau chợ Thăng Long cạnh nhà bà Đinh (thửa số 451, TĐĐ số 8) tới ngã ba giáp đất nhà ông Bùi Đức An Đông Anh II	60
-	Đường từ ngã ba đối diện cổng trường tiểu học Nam Ban I đường liên khu Trung vương – Thăng Long đến cổng vào TDP văn hóa Trung Vương (phân viện Nam Ban).	60
-	Đường từ ngã ba Chi Lăng I giáp đường xuống hồ Bãi Công đến hồ Bãi Công – Thành Công.	60
-	Đường từ ngã tư vào trường mầm non II đến chùa Linh Ân (đường liên khu Ba Đình).	70
-	Đường từ TDP văn hoá Ba Đình vào trường THPT Thăng Long	180
-	Đường từ ngã tư Nông trường 4 cũ đến cầu Thanh trì (giáp xã Đông Thanh)	60
-	Đường từ ngã ba cổng văn nhà văn hoá TDP Bạch Đằng đến ngã ba đường liên TDP Bạch Đằng - Thăng Long	60
-	Đường từ ngã ba vào xóm Hà Bắc đến giáp xã Mê Linh	60
-	Đường từ ngã ba nhà ông Hữu (thửa 79, tờ ĐĐ 19) đến ngã ba đi xóm Hà bắc (cạnh Nhà trẻ TDP Chi Lăng III)	60
-	Đường từ hồ Bãi công đến giáp xã Mê Linh	60
-	Đường từ ngã ba (sân bóng Chi Lăng II- III) đến ngã ba đường đi Nam Hà	60
-	Đường từ ngã ba nhà ông Sắc đến ngã ba giáp đất nhà ông An Đông Anh II	60
-	Đường từ ngã ba giáp đất nhà ông An Đông Anh II đến giáp xã Đông Thanh	60
-	Đường từ ngã ba giáp đất ông Luân - Hiệp đến hồ Từ Liêm	60
-	Đường từ ngã ba trường THCS Từ Liêm đến ngã ba đi Đông Anh I, hồ Từ Liêm	60
-	Đường từ hồ Từ Liêm đến đường liên TDP Đông Anh I	60

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Đường từ ngã ba giáp quán sửa xe ông Cấn Đình Dũng đến trường TH Nam Ban II	84
-	Đường ngã ba giáp đất nhà ông Hễ (thửa số 137, TBD31) đến ngã ba giáp đất nhà ông Tuyển (thửa số 182, TBD 31)	60
-	Đường từ ngã ba nhà văn hoá Bạch đằng đến thửa số 231 TBD 33 (Sinh 78 khu Đông Anh I)	60
B. ĐẤT Ở NÔNG THÔN.		
I	XÃ TÂN VĂN.	
*	Khu vực 1	
1	Đường DT 725	
-	Từ cầu Tân Văn đến ngã ba trại giống	1.200
-	Từ nhà ông Lễ (Thửa số 923, TBD 16) tới cầu cơ giới	840
-	Từ cầu cơ giới tới ngã ba nghĩa trang xã Tân Văn	360
-	Từ nghĩa trang xã Tân Văn trụ sở thôn Tân Thành (thửa số 32; TBD 41)	120
-	Từ trụ sở thôn Tân Thành (thửa số 32; TBD 41) tới ngã ba Phúc Tân - Tân Hà	360
2	Đường đi xã Phúc Thọ	
-	Từ Trạm xá Tân Văn tới ngã ba đi Tân Lin	720
-	Từ ngã ba đi Tân Lin tới ngã ba Tân Hoà	360
-	Từ ngã ba Tân Hoà tới ngã ba Tân Đức	288
-	Từ ngã ba Tân Đức tới ngã ba Tân Thuận	180
-	Từ ngã ba Tân Thuận tới giáp ranh xã Phúc Thọ	108
*	Khu vực 2	
-	Đường liên kết khu trung tâm trụ sở UBND xã tới ngã ba trại giống (Đường trung tâm giáo viên vòng sau UBND xã tới trại giống)	360
-	Đường từ ngã ba Tân Lin tới giáp cầu máng đi xã Đa Đồn	144
-	Đường từ ngã ba trại giống tới cầu khi giáp huyện Đức Trọng	
	a/ Đường từ ngã ba trại giống tới hội trường thôn Hà Trung (thửa số 52, TBD 32)	120
	b/ Đường từ hội trường thôn Hà Trung tới nhà ông Hoàng Thành Đô (thửa số 226, TBD 32)	96
	c/ Từ nhà ông Hoàng Thành Đô (thửa số 226, TBD 32) đến cầu khi giáp xã Tân Thành - Đức Trọng	72
-	Từ ngã Ba nhà ông Sự tới hội trường thôn Mỹ Hoà (thửa số 332, TBD 19)	120
-	Đường cầu Tân An đi ngã ba Tân Thuận	

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
	a/ Từ cầu Tân an tới hội trường thôn Tân Hoà (thửa số 1351; TBĐ 22)	72
	b/ Từ hội trường thôn Tân Hoà (thửa số 1351; TBĐ 22) tới giáp ngã ba Tân Thuận	70
*	Khu vực 3	
	a/ Các đường có xe 04 bánh ra vào được.	45
	b/ Còn lại.	36
II	XÃ TÂN HÀ	
*	Khu vực 1	
1	Đường ĐT 725	
-	Từ giáp xã Tân Văn (thửa 157 và thửa 225) đến ngã ba Phúc Hưng (thửa 61 và thửa thửa 172)	350
-	Từ ngã ba Phúc hưng (thửa 57 và thửa 172) đến ngã ba đi thôn Phúc Thọ 1 (thửa 35 thửa 556)	450
-	Ngã ba đi thôn Phúc Thọ 1 (thửa 539 và thửa 566) đến ngã ba vào xã Phúc Thọ (thửa 469 và thửa 311)	750
-	Từ ngã ba đi xã Phúc Thọ (thửa 310 và thửa 469) đến Phân viện Y tế (thửa 291 và thửa 42)	1.080
-	Từ Phân viện Y tế (thửa 219, TBĐ 02) đến ngã ba cây xăng ông Bạ (thửa 189, TBĐ 02)	1.560
-	Từ ngã ba cây xăng ông Bạ (hết thửa 189, TBĐ 02) đến đường lên chùa Hà Lâm (thửa 222, TBĐ 04)	1.800
-	Từ đường lên chùa Hà Lâm đến đất ông Nguyễn Văn Tình (Thửa 89 - tờ bản số 04)	1.440
-	Từ đất ông Tình (thửa 89, TBĐ 04) đến cổng trường cấp I Tân Hà (đến thửa 145 và thửa 156, TBĐ 04)	1.080
-	Từ Cổng trường C1 Tân Hà (thửa 145 và thửa 156 TBĐ 04) đến cổng trường C2 Tân Hà (thửa 115 và thửa 51 TBĐ 07)	800
-	Từ cổng trường cấp 2 Tân Hà (hết thửa 115 và thửa 51 TBĐ 07) đến ngã ba Đan phượng (thửa 405 và thửa 548) (đường vào cột 640 – ĐZ 500 KV)	500
-	Từ ngã ba Đan Phượng (hết thửa 584, 405) đến giáp xã Liên Hà (thửa 443 TBĐ 24)	350
2	Đường liên xã Tân Hà -Liên Hà - Hoài Đức.	
-	Từ ngã tư Tân Hà (thửa 35 và thửa 82) tới ngã ba đi xuống thôn Tân Đức (thửa 391 và thửa 92)	1.800
-	Từ ngã ba Tân Đức (thửa 184 và hết thửa 82, TBĐ 05) đến ngã ba Nhà Thờ (thửa 115)	1.200

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Từ ngã ba Nhà Thờ đến cột điện Trung thế số 286/128/10	550
-	Từ cột điện trung thế 286/128/10 đến cột điện Trung thế số 286/128/51	350
-	Từ cột trung thế 286/128/51 đến ngã ba Trần Quốc Toàn	450
-	Từ ngã ba Trần Quốc Toàn (thửa 24, TBĐ 27) đến giáp xã Liên Hà (thửa 10, TBĐ 27)	300
3	Đường đi xã Phúc Thọ	
-	Từ giáp đường 725 (thửa 331, TBĐ 02) đến ngã ba (thửa 162 và thửa 160, TBĐ 02) (đường vào nghĩa trang)	480
-	Từ ngã ba (thửa 162 và thửa 160, TBĐ 02) (đường vào nghĩa trang) đến ngã ba thôn Thạch Thất II (thửa 107 và thửa 111, TBĐ 03)	300
-	Từ ngã ba thôn Thạch Thất II (thửa 107 và thửa 111, TBĐ 03) đến giáp xã Phúc Thọ	240
4	Đường đi xã Đan Phượng	
-	Từ giáp đường 725 đến giáp xã Đan Phượng	180
*	Khu vực 2	
1	Đường thôn Liên trung	
-	Đoạn giáp xã Tân Văn đến thôn Thạch thất 2 (thửa 01, TBĐ 06)	60
-	Đoạn đường giáp xã Tân văn đến thôn Phúc Hưng (thửa 01, TBĐ 57)	80
-	Đoạn giáp ĐT 725 lên Đài truyền hình (thửa 14, TBĐ 57)	84
-	Đoạn từ Đài truyền hình (thửa 14, TBĐ 57) đến hết thôn Phúc Hưng (thửa 19, TBĐ 18)	70
-	Đoạn từ ĐT 725 đến hết thôn Phúc thọ I (Nhà ông Bảy) thửa 34, TBĐ 09	120
-	Đoạn từ đường ĐT 725 vào 300 m (Đất ông Tri) thửa 227, TBĐ 02	150
-	Đoạn từ 300m (thửa 227, TBĐ 02) đến hết đường xóm 2	60
-	Đoạn đối diện Phân viện Y Tế vào 500m (Từ thửa 469 đến thửa 186 TBĐ 09)	250
-	Đoạn từ cây xăng ông Bạ đến đỉnh dốc (Từ thửa 189 đến thửa 168 TBĐ 02)	600
-	Đoạn từ đỉnh dốc đến giáp đường đi xã Phúc Thọ (Từ thửa 168, TBĐ 02 đến thửa 107 TBĐ 03)	450
-	Đoạn từ đỉnh dốc đến hết nhà ông Nhâm	480
-	Đoạn từ ngã tư Tân Hà đến hết cổng thôn Thạch Thất I (Từ thửa 313 đến thửa 454 TBĐ 04)	800
2	Đường thôn Phúc Hưng	
-	Đoạn đường giáp ĐT 725 vào 500m (Từ thửa 468, TBĐ 09 đến thửa 253 TBĐ 09)	120

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Đoạn đường từ 500m đến hết thôn Phúc Hưng giáp xã Tân Văn	60
3	Đường thôn Phúc Thọ I	
-	Đoạn đường từ giáp thôn Liên trung đến phân trường Tiểu Học Tân Hà 2 (Từ thửa 105 đến thửa 409)	60
4	Đường thôn Tân Trung	
-	Đoạn đường từ ĐT 725 đến chùa Hà Lâm (thửa 231 TBĐ 049)	480
-	Đoạn từ đường ĐT 725 (nhà ông Đức) thửa 400, TBĐ 04 vào 200m (thửa 149, TBĐ 10)	240
-	Đoạn từ đường ĐT 725 (đất ông Khiêm) (thửa 87 TBĐ 25) đến ngã tư (thửa 61, TBĐ 25)	120
-	Đoạn từ ngã tư thôn Tân trung và thôn Tân đức đến đường đi xã Hoài Đức (thửa 30 -60 TBĐ 25, Thửa 331-46 TBĐ 04)	150
5	Đường thôn Thạch Thất I	
-	Đoạn từ cổng văn hoá giáp thôn Liên Trung đến giáp thôn Thạch Tân	60
-	Đoạn đường từ nhà ông Đức vào 200m đến giáp thôn Thạch Tân	60
6	Đường thôn Tân Đức	
-	Đoạn đường từ đường đi xã Hoài đức đến 300m (hết nhà ông Lân)- Từ thửa 185 TBĐ 5 đến thửa 192 TBĐ 25 và thửa 424 TBĐ 04	450
-	Đoạn đường đi cổng thôn Tân Đức (thửa 58 TBĐ 28) vào 200m đến giáp thôn Phúc Thọ 2 (thửa 35 TBĐ 28)	150
7	Đường thôn Đan Phượng I	
-	Đoạn đường từ giáp đường ĐT 725 (thửa 360 TBĐ 25) đến giáp đất ông Thông (thửa 575 TBĐ 24)	180
-	Đoạn đường từ hết đất ông Thông đến hết đường đi xã Đan Phượng	60
-	Đường từ ĐT 725 đi vào bãi đá thôn Phúc Thọ II (từ thửa 309 đến thửa 01, TBĐ 24)	60
*	Khu vực 3	
	a/ Các đường có xe 04 bánh ra vào được.	45
	b/ Còn lại.	36
III	XÃ HOÀI ĐỨC	
*	Khu vực 1	
1	Đường Tân Hà – Tân Thanh	
-	Từ ngã ba Nhà Thờ vào tới 200m	800
-	Từ 200m đến hết cổng Nghĩa Địa	500
-	Từ hết cổng Nghĩa địa đến đầu đập (gần UBND xã)	300
-	Từ đầu đập (gần UBND xã) đến ngã tư Thôn 5 (nhà ông Công)	350

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Từ ngã ba thôn 5 đến giáp xã Tân Thanh	200
2	Đường liên xã Tân Hà - Hoài Đức - Liên Hà	
-	Từ ngã ba Nhà Thờ đến cột điện Trung thế số 286/128/10	500
-	Từ cột điện trung thế 286/128/10 đến ngã ba vào thôn 2 (giáp nhà ông Vinh)	300
-	Từ ngã ba vào thôn 2 (giáp nhà ông Vinh) đến ngã ba giáp nhà ông Tuý	250
-	Từ ngã ba giáp nhà ông Tuý đến ngã ba Trần Quốc Toàn	350
*	Khu vực 2	
1	Đường liên thôn	
-	Từ ngã ba Trần Quốc Toàn đến ngã ba vào nghĩa địa thôn 4	120
-	Từ ngã ba vào nghĩa địa Thôn 4 đến đất nhà ông Khoa (thôn Đức Hải)	48
-	Từ nhà ông Khoa đến hết đất nhà ông Quảng (thôn Đức Hải)	48
-	Từ ngã ba vào thôn Hải Hà đến đập Đa Sa	48
-	Từ ngã tư (cổng UBND xã) đến ngã tư cổng trường tiểu học Hoài Đức 1	60
-	Từ ngã tư cổng trường tiểu học Hoài Đức 1 đến đường liên xã (nhà cô Thu)	84
-	Từ ngã ba thôn Vinh Quang (nhà ông Chí) đến ngã ba lên chùa Vạn Thiện	240
-	Từ ngã ba thôn 6 (nhà ông Tùng) đến ngã ba (giáp đất ông Chạy)	60
-	Ngã ba đồi dầu đến đất nhà ông Hoà	60
*	Khu vực 3	
	a/ Các đường có xe 04 bánh ra vào được.	45
	b/ Còn lại.	36
IV	XÃ TÂN THANH	
*	Khu vực 1	
1	Đường Tân hà - Tân thanh	
-	Từ giáp xã Hoài Đức (thửa số 104, TBĐ 20) đến ngã ba thôn Đông Thanh (thửa số 116, TBĐ 21)	150
-	Từ ngã ba thôn Đông Thanh (hết thửa số 116, TBĐ 21) đến đất ông Quế (thửa số 10, TBĐ 21)	180
-	Từ hết đất ông Quế (thửa số 10, TBĐ 21) đến cầu UBND xã cũ	200
-	Từ cầu UBND xã cũ đến chân dốc Vất (thửa số 103, TBĐ31)	180
-	Từ chân dốc Vất (hết thửa số 103, TBĐ31) đến đỉnh dốc Vất (thửa số 27, TBĐ36)	60
*	Khu vực 2	

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
1	Đường liên thôn	
-	Thôn Tân An đi thôn Thanh Hà	60
-	Thôn Thanh Hà đi thôn Tân Bình	90
-	Thôn Tân An đi thôn Thanh Bình	60
-	Thôn Tân An đi thôn Đoàn Kết	60
-	Thôn Hoà Bình đi thôn Tân An	60
-	Thôn Hoà Bình đi Thác Bụi	90
-	Thôn Com Pang đến ngã ba Long Lan	60
	Từ ngã ba Long Lan đến ngã ba nhà ông Lô	120
-	Thôn Tân Bình đi thôn Tân Hợp	60
*	Khu vực 3	
	a/ Các đường có xe 04 bánh ra vào được.	35
	b/ Còn lại.	25
V	XÃ LIÊN HÀ	
*	Khu vực 1	
1	Đường ĐT 725	
-	Từ giáp xã Tân Hà tới cột 3 thân 500 KV	84
-	Từ cột 3 thân 500 KV đến Hồ	120
	Từ Hồ tới trường CII	72
2	Đường liên xã Tân Hà - Hoài Đức - Liên Hà	
-	Từ giáp xã Tân Hà tới ngã ba đi thôn Phúc thọ	144
-	Từ ngã ba đi thôn Phúc Thọ đến cổng trường C2	108
-	Từ cổng trường C2 đến cổng trường Lán Tranh II	156
-	Từ cổng trường Lán Tranh II đến ngã ba ông Nhâm	120
-	Từ ngã ba nhà ông Nhâm đến đỉnh dốc suối Lạnh	96
*	Khu vực 2	
1	Đường từ ngã ba Trần Quốc Toàn đi đập Đa Sa	
-	Đường từ ngã ba Trần Quốc Toàn đến hết trường Trần Quốc Toàn	120
-	Từ hết Trường Trần Quốc Toàn đến đối diện phân trường Hoài Đức	60
-	Từ phân trường Hoài Đức đến ngã ba ông Sánh (thửa 362, TBĐ 37)	72
-	Đoạn còn lại	60
2	Đường từ ngã ba xương cá đi thôn Chiến Thắng	
-	Từ ngã ba xương cá vào 300m (thửa 32, 337, TBĐ 56)	120

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Đoạn từ 300m (thửa 32, 337, TBĐ 56) - thôn Liên Kết	70
-	Đoạn còn lại	60
*	Khu vực 3	
	a/ Các đường xe 04 bánh ra vào được.	35
	b/ Còn lại.	25
VI	XÃ PHÚC THỌ	
*	Khu vực 1	
1	Đường Tân Hà – Phúc Thọ - Hoài Đức	
-	Từ giáp xã Tân Hà (thửa 247, TBĐ 38) tới ngã ba Dược Liệu (thửa 542, TBĐ 33)	120
-	Từ ngã ba Dược Liệu (hết thửa 542, TBĐ 33) tới bờ đập (thửa 459, TBĐ 27)	144
-	Từ bờ đập (hết thửa 459, TBĐ 27) tới ngã ba đi Hoài Đức (thửa 439, TBĐ 27)	240
-	Từ ngã ba đi Hoài Đức (hết thửa 439, TBĐ 27) tới ngã ba Nông trường I (thửa 187, TBĐ 59)	180
-	Từ ngã ba Nông trường I (hết thửa 187, TBĐ 59) đến hết nhà ông Đắc (thửa 54, TBĐ 55)	120
-	Từ hết nhà ông Đắc (thửa 54, TBĐ 55) đến nhà ông Sơn (thửa 409, TBĐ 13)	100
-	Từ nhà ông Nam (thửa 409, TBĐ 13) đến ngã ba Lâm Bô (thửa 141, TBĐ 13)	150
2	Đường Tân Văn - Phúc Thọ	
	Từ giáp xã Tân Văn đến ngã ba Dược Liệu (thửa 542, TBĐ 33)	108
*	Khu vực 2	
1	Đường thôn - Đường liên thôn	
-	Đường từ ngã ba Nông trường I (thửa 187, TBĐ 33) vào Thủy điện Sardeung	100
-	Đường từ ngã ba bà Tắc vào thôn Dạ Pe	60
	Đường từ ngã ba đi Hoài Đức (thửa 439, TBĐ 27) đến giáp xã Hoài Đức	60
*	Khu vực 3	
	a/ Các đường xe 04 bánh ra vào được.	45
	b/ Còn lại.	36
VII	XÃ ĐÀN PHƯỢNG	
*	Khu vực 1	

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Từ giáp xã Tân Hà đến hết trường Cấp II	72
-	Từ hết trường Cấp II đến hết nghĩa địa thôn 2	60
-	Từ Tân Hà đến hết trường Mẫu giáo thôn 3	72
-	Từ Trường Mẫu giáo thôn 3 đến ngã ba trường cấp 1	70
-	Đoạn còn lại	60
*	Khu vực 2	
	Các đường liên thôn xe 04 bánh ra vào được.	50
*	Khu Vực 3	
	a/ Các đường xe 04 bánh ra vào được.	35
	b/ Còn lại.	25
VIII	XÃ GIA LÂM	
*	Khu vực 1	
1	Đường ĐT 725	
-	Từ TT Nam Ban đến ngã ba đi Thôn 5	600
-	Từ ngã ba thôn 5 đến cổng văn hoá thôn 4	450
-	Từ cổng văn hoá thôn 4 tới trường Mẫu giáo	360
-	Từ trường Mẫu giáo tới cổng văn hoá thôn 3	240
-	Từ cổng văn hoá thôn 3 đến cầu suối cạn	200
-	Từ cầu Suối cạn đến đỉnh dốc Đá thôn I	120
-	Từ đỉnh giốc đá thôn 1 đến hồ thôn 1	100
-	Từ hồ thôn I đến giáp Đức Trọng	84
2	Đường đi xã Đông Thanh	
-	Từ giáp đường ĐT 725 đến cổng thôn 5	120
-	Từ cổng văn hoá thôn 5 đến cổng văn hoá thôn 6	100
-	Từ cổng văn hoá thôn 6 đến xã Đông Thanh	80
*	Khu vực 2	
1	Khu vực chợ Gia Lâm	
-	Từ trạm thuế đến đất ông Truyền (thửa 154, TBD 11)	120
-	Từ đất ông Đình (thửa 31, TBD 11) đến đất ông Hiến (thửa 27, TBD17)	84
-	Từ đất ông Hiến (thửa 27, TBD17) đến đất bà Đoan (thửa số 52, TBD 11)	120
-	Từ đất bà Đoan (thửa số 52, TBD 11) đến ngã tư ông Quý (thửa số 39, TBD 11)	144
-	Từ ngã tư ông Quý (thửa số 39, TBD 11) đến trại tầm tơ An Tuyên	80

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Đường từ ngã tư ông Phà (thửa số 49, TBD 11) đến đất ông Truyền (thửa số 71, TBD 11)	70
-	Ngã ba đi kho xăng KA2 đến ngã ba ông Vượng (thửa số 323, TBD 02)	50
2	Đường liên thôn 3, thôn 4 -Gan Thi	
-	Từ ngã tư ông Quý (thửa số 276, TBD04) đến ngã tư ông Toàn (thửa số 321, TBD 03)	48
-	Từ ngã tư đi thôn 5 đến phân trường thôn 5	50
*	Khu vực 3	
	a/ Các đường xe 04 bánh ra vào được.	45
	b/ Còn lại.	36
IX	XÃ MÊ LINH	
*	Khu vực 1	
1	Đường ĐT 725	
-	Từ TT. Nam Ban đến ngã ba vào xóm Trại Gà (thôn 2)	84
-	Từ ngã ba vào xóm Trại Gà đến trường tiểu học Mê Linh	120
-	Từ tiểu học Mê Linh tới ngã ba đi Bãi Đá (thôn 3)	180
-	Từ ngã ba đi Bãi Đá thôn 3 tới ngã ba đi Đồi Tùng	156
-	Từ ngã ba đi Đồi Tùng đến cầu Cam Ly	192
*	Khu vực 2	
-	Đường từ ngã ba Từ Liêm đến giáp nhà ông Sơn Quyền (thửa 41, TBD 11)	120
-	Từ nhà ông Sơn Quyền (thửa 41, TBD 11) đến hết thôn 8 (giáp xã Nam Hà)	70
-	Đường từ ngã ba đi đồi tùng đến thôn Hang Hót, Buôn chuối	84
-	Đường thôn 2 qua thôn 3	
	Từ nhà ông Liên (thửa 350, TBD 02) đến nhà ông Trần Ao (thửa số 187, TBD 05)	80
*	Khu vực 3	
	a/ Các đường xe 04 bánh ra vào được.	45
	b/ Còn lại.	36
X	XÃ NAM HÀ	
*	Khu vực 1	
1	Đường Nam ban – Phi Tô	
-	Từ giáp TT Nam Ban đến ngã ba đi Hoàn Kiếm I	80
-	Từ ngã ba thôn Hoàn Kiếm I đến ngã ba đi thôn Hoàn Kiếm II, Hoàn Kiếm III	100

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Từ ngã ba đi Hoàn Kiếm II và Hoàn Kiếm III tới ngã ba đối diện trụ sở UBND Xã	120
-	Từ ngã ba đối diện trụ sở UBND Xã đến bưu điện văn hóa xã	150
-	Từ Bưu điện văn hóa xã tới cổng trường Cấp I Nam Hà	100
-	Đoạn còn lại	80
2	Đường Nam Hà - Đình Văn	
-	Từ ngã 3 bà Tôn (thửa 80, TBĐ 17) đến hết đất nhà ông Kiều Công Bình (thửa 30, TBĐ 17)	100
-	Từ hết đất nhà ông Kiều Công Bình (thửa 30, TBĐ 17) đến giáp TT Đình Văn	80
*	Khu vực 2	
-	Đường ngã ba đi thôn Hoàn kiếm 2,3 đến hết thửa 123 và thửa 12, TBĐ 27	80
-	Đường liên thôn Hoàn kiếm II (từ thửa 118, TBĐ 21 đến hết thửa 47, TBĐ 23)	70
-	Đường từ thửa 136, TBĐ 27 đến hết thửa 186 TBĐ 27	80
-	Đường từ hết thửa 186 TBĐ 27 đến thửa 02, TBĐ 24	70
-	Đường liên thôn đi thôn Hai Bà Trưng	70
-	Đường liên thôn Hoàn kiếm I đi thôn Sóc sơn (thửa 124, TBĐ 16 đến hết thửa số 47, TBĐ 17)	70
-	Đường từ ngã ba ông Trần Văn Thành (thửa số 24, TBĐ 23) đến ngã ba ông Tân Văn Ngòi (thửa số 2, TBĐ 24)	70
*	Khu vực 3	
	a/ Các đường xe 04 bánh ra vào được.	45
	b/ Còn lại.	36
XI	XÃ ĐÔNG THANH	
1	Đường Gia Lâm – Đông Thanh	
-	Từ giáp xã Gia Lâm đến ngã ba vào thôn Thanh Trì và Trung Hà	120
-	Từ ngã ba vào thôn Thanh Trì và Trung Hà đến ngã tư đường đi Tầm Xá	180
-	Từ ngã tư đường đi Tầm Xá đến cầu sắt Tiền Lâm	120
-	Từ cầu sắt Tiền Lâm tới TT Nam Ban	180
*	Khu vực 2	
1	Đường Trung Hà - Đông hà	
-	Giáp đường liên xã đến giáp đường liên xã (Hội trường thôn Đông anh)	60
2	Đường từ ngã tư đi Tầm xã - ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Chiến	

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Đường từ ngã tư đi Tầm Xá - ngã tư nhà ông Nguyễn Văn Hải (thửa 226, TBD 04)	60
-	Từ ngã tư nhà ông Nguyễn Văn Hải (thửa 226, TBD 04) - ngã ba (Bốt điện Tầm xá)	60
-	Từ ngã ba (Bốt điện Tầm xá) - ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Chiến giáp đường liên xã	60
3	Từ ngã ba vào thôn Thanh Trì và Trung hà - ngã tư giáp ông Khúc Lưu Luyện (thửa 156, TBD 07)	60
4	Từ ngã tư đi bốt điện Thanh trì - ngã ba nhà bà Dương Thị Hưu (thửa 369, TBD 09)	60
5	Từ cổng Văn hoá thôn Thanh Hà - cầu treo đi TT Nam Ban	60
6	Ngã ba giáp ranh Gia Lâm và Thanh trì , Đông thanh - ngã ba nhà ông Nguyễn Trọng Tĩnh (thửa 101, TBD 08)	60
7	Từ ngã ba nhà ông Trần Văn Mùi giáp đường liên xã - ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Năm (thửa 116, TBD 06)	60
8	Từ ngã ba nhà ông Trần Quảng Bình giáp đường liên xã - ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Bình (thửa 272, TBD 05)	60
9	Từ ngã ba (cầu Tầm Xá) đến ngã ba nhà ông Trương hữu Kiên (Thửa 227; TBD 01)	60
10	Từ ngã ba (Tổng đội) đi dốc ba Mão đến giáp Nam Ban (thửa 63, TBD 03)	60
*	Khu vực 3	
	a/ Các đường xe 04 bánh ra vào được.	45
	b/ Còn lại.	36
XII	XÃ PHI TÔ	
*	Khu vực 1	
1	Đường Nam Ban – Phi Tô – Đạ Đờn	
-	Từ giáp xã Đạ Đờn đến cầu Suối Cạn	60
-	Từ cầu Suối Cạn đến giáp cổng giữa thôn I và thôn II	90
-	Từ cổng giữa thôn I và thôn II đến ngã ba đi đồi Sim (thửa 328, TBD số 4)	130
-	Từ ngã ba đi đồi Sim đến cầu thôn 4	90
-	Từ cầu thôn 4 đến giáp xã Nam Hà	60
*	Khu vực 2	

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
1	Đường cấp phối thôn 5 từ nhà bà Bùi Thị Bốn (thửa 579, TBĐ) - nhà ông Thọ (tờ 53, thửa 04)	50
2	Đường cấp phối thôn 1,2,6 từ nhà Vi Ngập Tiên (thửa 222, TBĐ 2) đến nhà KBông (Thửa 561, tờ 03)	50
3	Đường cấp phối thôn 3 từ nhà ông Nông Văn Bồn (thửa 71, TBĐ7) đến (thửa 15, TBĐ 7 ; thửa 38 TBĐ 7).	50
5	Đường cấp phối thôn 2 vào trường TH Phi Tô từ (thửa 701, TBĐ 04; thửa 242, TBĐ 04) đến thửa 251, TBĐ 4)	50
4	Phần đường cấp phối còn lại của 3 đường trên	50
*	Khu vực 3	
	a/ Các đườngù xe 04 bánh ra vào được.	35
	b/ Còn lại.	25
XIII	XÃ ĐẠ ĐỒN.	
*	Khu vực 1	
1	Quốc lộ 27	
-	Từ giáp TT Đình Văn đến hết Lò gạch ông Vân (thửa 644, TBĐ số 35)	840
-	Từ lò gạch ông Vân (thửa 644, TBĐ 35) đến Cầu Đam Pao	480
-	Từ cầu Đam Pao đến cống thủy lợi qua đường - Trụ sở UBND xã	360
-	Từ cống thủy lợi qua đường - Trụ sở UBND xã đến cống An Phước	300
-	Từ cống An phước đến cống đầu thôn Tân tiến (nhà ông Trần Minh Khoa) (thửa 480, TBĐ 17, BĐ địa chính xã Đạ Đờn)	280
-	Từ cống đầu thôn Tân Tiến đến cống hộp Thủy Lợi	320
-	Từ cống hộp Thủy Lợi đến Ngã ba RLom	750
	Từ Ngã ba RLom đến cầu Đạ đờn	300
2	Đường Đạ Đờn - Phi Tô	
-	Từ ngã ba RLom đến chân dốc RLom (Nhà ông Huyền- Thửa 112, TBĐ 11)	360
-	Từ nhà ông Huyền (Thửa 112, TBĐ 11) đến nhà ông Hậu Lộc (thửa 19, TBĐ 5)	180
-	Từ nhà ông Hậu Lộc (thửa 19, TBĐ 5) đến nhà ông Phong Lai (thửa 176, TBĐ số 5)	120
-	Từ nhà ông Phong Lai (thửa 176, TBĐ số 5) đến chân dốc Phi Tô	100
*	Khu vực 2	
-	Đường từ QL 27 đi xóm Bến tre	60
-	Đường từ chùa An phước (QL 27) đi xóm Đạknàng	72
-	Từ cống thôn Tân Lâm đến cống thủy lợi (đường vào trường Dân tộc nội trú)	96
-	Đường từ QL 27 (quán ông Bốn) vào thôn 2 Đa nung A	96

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
-	Đoạn từ QL 27 vào thôn Đam Pao	120
-	Đường từ dốc núi Phi Tô vào thôn Đạ Ty (cầu gỗ)	100
-	Từ QL27 đến hết trường Mẫu giáo (Thửa 601, tờ 27)	100
-	Từ QL27 đến hết nhà ông Dũng (Thửa 625, tờ 35)	100
-	Từ nhà Minh Định đến hết nhà ông Ứng (thửa 531, tờ 12)	80
-	Từ QL27 đến Nghĩa địa thôn Tân Lâm	100
-	Từ nương thủy lợi đến sân bóng thôn Yên thành	90
-	Từ sân bóng thôn Yên thành đến hết khu dân cư	70
*	Khu vực 3	
	a/ Các đường xe 04 bánh ra vào được.	45
	b/ Còn lại.	36
XIV	XÃ PHÚ SƠN	
*	Khu vực 1	
1	Quốc lộ 27	
-	Từ cầu Đạ Đờn đến bưu điện Phú Sơn	300
-	Từ Bưu điện Phú Sơn đến ngã ba vào Cấp 1 Phú Sơn	360
-	Từ ngã ba vào Cấp 1 Phú Sơn đến xưởng chè nhà Gái Ngộ (thửa 45, TBĐ 24, BĐ địa chính xã Phú Sơn).	180
-	Từ xưởng chè gái Ngộ (thửa 45, TBĐ 24, BĐ địa chính xã Phú Sơn) đến ngã ba thôn RTeng.	216
-	Từ ngã ba thôn RTeng đến nghĩa địa thôn Lạc Sơn.	144
-	Từ nghĩa địa thôn Lạc Sơn đến đèo Phú Mỹ.	96
*	Khu vực 2	
1	Đường từ Núi đôi đi đội Quyết Thắng	120
-	Từ QL 27 đến cầu RTeng	60
-	Từ cầu RTeng đến hết thôn RTeng1 và Rteng 2	84
2	Đường từ bưu điện đến công ty Trần Vũ	84
-	Đường từ chợ Ngọc sơn vào thôn Ngọc sơn 1	120
-	Đường từ QL27 vào xưởng chè Ngọc phú	84
-	Từ cổng nhà bà Nho đến xóm xinh thôn Ngọc Sơn 3	84
*	Khu vực 3	
	a/ Các đường xe 04 bánh ra vào được.	45

STT	KHU VỰC, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
	b/ Còn lại.	36

Riêng đối với đất ở nông thôn khu vực 3 của các thôn vùng 3 của các xã:

Các đường xe 04 bánh ra vào được: 35.000 đồng/m²

Còn lại: 25.000 đồng/m²

C. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP:

Đất phi nông nghiệp được xác định được xác định theo từng mục đích sử dụng:

1. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ); đất phi nông nghiệp khác (bao gồm đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật), bằng 100% giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất được quy định tại Phần A và Phần B nêu trên.

2. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, bằng 60% giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở vùng lân cận gần nhất được quy định tại Phần A và Phần B nêu trên.

3. Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định số 81/2004/NĐ-CP và các loại đất phi nông nghiệp khác (bao gồm đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán trại cho người lao động; đất đô thị được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp), bằng 51% giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất được quy định tại Phần A và Phần B nêu trên.

4. Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, bằng 30% mức giá ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất được quy định tại Phần A và Phần B nêu trên.

D. ĐẤT NÔNG NGHIỆP.

- **Khu vực I:** Địa bàn thị trấn Đình Văn và Nam Ban

- **Khu vực II:** Thuộc địa bàn các xã Gia Lâm, Đông Thanh, Mê Linh, Nam Hà, Tân Văn, Đa Dồn, Phú Sơn, Tân Hà, Hoài Đức, Phúc Thọ (Trừ các thôn vùng 3 của các xã).

- **Khu vực III:** Thuộc địa bàn các xã Phi Tô, Đan Phượng, Liên Hà, Tân Thanh (Và các thôn vùng 3 của các xã).

1. Đất trồng cây hàng năm.

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	24	19	12

2	Khu vực 2	19	15	10
3	Khu vực 3	12	10	6

2. Đất cây lâu năm.

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	30	24	15
2	Khu vực 2	24	19	12
3	Khu vực 3	15	12	8

- **Vị trí 1:** Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ lô đất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi 500m.

- **Vị trí 2:** Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ lô đất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi trên 500m đến 1.000m..

- **Vị trí 3:** Các vị trí còn lại.

3. Các trường hợp sau đây, giá đất được quy định bằng 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các xã.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

4. Các trường hợp sau đây, giá đất được quy định bằng 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các thị trấn.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

E. ĐẤT LÂM NGHIỆP

1. Đất rừng sản xuất:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Vị trí	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Đơn giá	10	8	5

Vị trí 1: Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ;

Vị trí 2: Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã;

Vị trí 3: Là những diện tích đất còn lại

2. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng cảnh quan:

a) Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: Tính bằng 90% giá đất cùng vị trí của đất rừng sản xuất.

b) Đất rừng cảnh quan: Tính bằng 110% giá đất cùng vị trí của đất rừng sản xuất.